

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 14/05/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Đình**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hiên**.

2. Ông **Nguyễn Khắc Thiện**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phụng** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Đ B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2019/HSST ngày 21 tháng 03 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **L V T**; Tên gọi khác: Không - Sinh năm: 1978.

Nơi sinh: Huyện Tuần Giáo, tỉnh Đ B.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản Tin Tốc, xã Mường Tùng, huyện M C, tỉnh Đ B.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, nương; Trình độ văn hóa: Không.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lò Văn Chiên (Đã chết) và bà: Quàng Thị Việt - Sinh năm: 1955.

Vợ: Khoàng Thị Thanh (Đã chết) và có 01 con sinh năm 2003. Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 12/08/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lay, tỉnh Đ B xử 15 tháng tù. Hiện đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2018, tạm giam từ ngày 28/12/2018 đến nay có bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo L V T: Ông Phùng Việt Hoa - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ B - Có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông S V N; SN: 1964; Địa chỉ: Bản Pom Cại, xã Mường Tùng, huyện M C, tỉnh Đ B - Vắng mặt không có lý do.

2. Anh L V Đ; SN: 1986; Địa chỉ: Bản Tin Tốc, xã Mường Tùng, huyện M C, tỉnh Đ B - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25 tháng 12 năm 2018, L V T đang phay ruộng ở bản Tin Tộc, xã Mường Tùng, huyện M C, tỉnh Đ B có L V Đ cùng bản đến nhờ Tươi vài hôm nữa đi phay ruộng, sau đó Tươi và Đồng về nhà Tươi uống nước, tại đây Đồng đưa cho Tươi 200.000 đồng bảo Tươi đến nhà S V N ở bản Pom Cại, xã Mường Tùng, huyện M C, tỉnh Đ B mua heroine về cùng nhau sử dụng. Tươi đồng ý cầm tiền rồi đi bộ đến nhà của S V N, trao đổi mua của Ngân 02 gói heroine mỗi gói được gói bằng mảnh giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá với giá 200.000 đồng, sau đó Tươi bỏ 02 gói heroine vào trong túi áo ngực bên phải đang mặc trên người đi bộ về nhà. Đến 11 giờ 40 phút cùng ngày Tươi đi bộ về đến ngõ thì bị Tổ công tác công an huyện M C kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tại túi áo ngực bên phải của Tươi đang mặc có 02 gói heroine, có tổng khối lượng 0,446 gam. Tổ công tác lập biên bản phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng ngày 25/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M C xác định 02 gói chất bột màu trắng đục nghi Heroine thu giữ của L V T có tổng khối lượng là 0,446 gam gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 173/GĐ-PC09 ngày 02/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ B kết luận: "02 (hai) mẫu chất bột màu trắng kí hiệu M1, M2 thu được trích ra từ vật chứng thu giữ của L V T gửi giám định là ma túy loại heroine. Hoàn lại mẫu giám định M1 là 0,195 gam heroine, M2 là 0,2 gam heroine. Tổng là 0,395 gam heroine.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-MC, ngày 20 tháng 03 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Đ B đã truy tố L V T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tươi cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo L V T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 0,395 gam heroine còn lại sau khi trừ mẫu giám định và 02 mảnh giấy bạc là vật nhà nước cầm tàng trữ, mua bán, vận chuyển và vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Tươi khai nhận anh L V Đ đưa cho bị cáo 200.000 đồng để đi mua ma túy (heroine) về sử dụng. Còn anh S V N là người bán heroine cho bị cáo. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, đối chất nhưng Đồng và Ngân không thừa nhận và cũng không có ai làm chứng nên không đủ cơ sở để xử lý

đối với Đồng và Ngân.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị. Về án phí đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, gia đình bị cáo là thuộc hộ nghèo trong xã đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M C và Viện Kiểm sát nhân dân huyện M C, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

[2] *Xét về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa ngày hôm nay trong phần xét hỏi bị cáo L V T khẳng định rằng do bản thân nghiện chât ma túy nên ngày 25/12/2018 bị cáo đã đến nhà ông S V N tại bản Pom Cại, xã Mường Tùng, huyện M C, để mua ma túy, đến nhà Ngân, bị cáo đã trao đổi mua được của Ngân 02 gói heroine có khối lượng là 0,446 gam với giá 200.000 đồng. Mục đích bị cáo mua ma túy về để cất giấu, sử dụng cho bản thân, sau khi mua được ma túy bị cáo cất giấu trong túi áo ngực bên phải đang mặc trên người đi bộ về đến ngõ thì bị Tổ công tác Công an huyện M C khám xét hành chính thu giữ của bị cáo 02 gói heroine. Như vậy lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với vật chứng bị thu giữ. Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và bị cáo khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát và việc đưa bị cáo ra xét xử về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định rằng hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chât ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Người nào tàng trữ trái phép chât ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chât ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm :

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"

[3] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất nghiêm trọng, là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận rằng khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ ma túy là một chất gây nghiện, gây tổn hại cho sức khỏe của con người cả về thể xác và tinh thần, là nguồn cơn, gốc rễ gây nên tệ nạn xã hội khác. Chính quyền địa phương cũng như trên thông tin đại chúng luôn tuyên truyền về tác hại của ma túy đối với cơ thể, cũng như chính sách của Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép ma túy. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu nghiện hút của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn huyện.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Xét về nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự : Bị cáo L V T sinh ra và lớn lên được bố mẹ nuôi dưỡng, không đi học ở nhà lao động sản xuất phụ giúp gia đình. Ngày 12/08/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lay, tỉnh Đ B (nay là TAND huyện M C) xử 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo đã được xóa án tích. Năm 2008 xây dựng gia đình với chị Khoảng Thị Thanh. Sau khi mãn hạn tù trở về địa phương xây dựng gia đình riêng lẽ ra bị cáo phải biết tu trí làm ăn cùng vợ con lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình làm người cha mẫu mực để con cái noi theo, nhưng bị cáo không làm được như vậy, bị cáo chỉ thích ăn chơi, đua đòi bạn bè lao vào con đường nghiện chất ma túy, để có ma túy sử dụng cho bản thân bị cáo đã bất chấp tất cả, cố tình tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, cần xem xét khi quyết định hình phạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân xấu. Vậy khi quyết định hình phạt HĐXX cần áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ mà bị cáo đã gây ra. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản của gia đình bị cáo do Cơ quan CSĐT Công an huyện M C xác lập, gia đình bị cáo kinh tế rất khó khăn. Hơn nữa, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, xét thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo gặp nhiều khó khăn, thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) phong bì bưu điện, mặt trước phong bì ghi 173/GĐ-PC09. Khối lượng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định là 0,395 gam là vật cấm lưu hành, tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phong bì niêm phong vật chứng của CQĐT Công an huyện M C, bên trong có 01 phong bì niêm phong ban đầu và 02 mảnh giấy bạc màu vàng. Mặt trước phong bì ghi Vật chứng còn lại của L V T là những vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu IteI đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối anh L V Đ bị cáo khai là người đưa cho bị cáo 200.000 đồng để đi mua ma túy (heroine) về sử dụng và anh S V N là người bán heroine cho bị cáo. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, đối chất nhưng Đồng và Ngân không thừa nhận và cũng không có ai làm chứng nên không đủ cơ sở để xử lý đối với Đồng và Ngân. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị là có đủ cơ sở chấp nhận. Về án phí đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, gia đình bị cáo là thuộc hộ nghèo trong xã miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là chưa có đủ cơ sở chấp nhận. Vì bị cáo không sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không cung cấp được sổ hộ nghèo cho Tòa án.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo L V T phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo L V T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 25/12/2018.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì bưu điện, mặt trước phong bì ghi 173/GĐ-PC09 bên trong 0,395 gam và 01 phong bì niêm phong vật chứng của CQĐT Công an huyện M C, bên trong có 01 phong bì niêm phong ban đầu và 02 mảnh giấy bạc màu vàng.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên đã được bàn giao sang Chi cục thi hành án dân sự huyện M C vào ngày 20/03/2019

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/05/2019). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Đội điều tra CA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng GDKT TA tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Đ B;
- Bị cáo;
- Những người CQLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Đ B;
- CA tỉnh Đ B;
- Người bào chữa;
- UBND xã Mường Tùng thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình